

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc quản lý thu, chi tài chính tại Trường Cao đẳng Bến Tre

- Căn cứ Luật Thanh tra số 56/2010/QH 12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;
- Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;
- Căn cứ Quyết định thanh tra số 81/QĐ-STC ngày 24 tháng 12 năm 2012 của Sở Tài chính về việc Thanh tra việc quản lý thu chi tài chính tại Trường Cao đẳng Bến Tre;
- Căn cứ Báo cáo kết quả thanh tra việc quản lý thu chi tài chính tại Trường Cao đẳng Bến Tre của Đoàn thanh tra,

KẾT LUẬN:

I./ TÌNH HÌNH CHUNG:

1. Vị trí:

Trường Cao đẳng Bến Tre được thành lập theo quyết định số 4702/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 23 tháng 8 năm 2004 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo trên cơ sở hợp nhất Trường Cao đẳng sư phạm Bến Tre, Trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật Bến Tre, Trường Trung học Kỹ thuật công nghiệp Bến Tre;

2. Chức năng, nhiệm vụ:

Trường Cao đẳng Bến Tre hoạt động theo Điều lệ Trường Cao đẳng ban hành tại Thông tư số 14/2009/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo.

- Trường Cao đẳng Bến Tre tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 08/8/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

3. Cơ cấu tổ chức:

- Ban Giám hiệu: Hiệu trưởng và 3 Phó Hiệu trưởng.
- Các bộ phận chức năng: 8 phòng và 10 khoa.

II./KẾT QUẢ THANH TRA:

Căn cứ vào sổ sách, chứng từ do Trường Cao đẳng Bến Tre cung cấp. Đoàn thanh tra ghi nhận như sau:

1. Xác định loại hình, cơ chế tài chính:

Trường Cao đẳng Bến Tre được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ và Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính tại Quyết định số 1792/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2011 của UBND Tỉnh về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với Trường Cao đẳng Bến Tre, Trường được giao cơ chế tài chính là sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động.

2. Việc xây dựng qui chế chi tiêu nội bộ:

Đơn vị có xây dựng Qui chế chi tiêu nội bộ theo qui định đã được thông qua Đại hội cán bộ công chức làm cơ sở chi tiêu trong năm. Tuy nhiên phần chi của Trung tâm ngoại ngữ tin học chưa được đưa vào qui chế cụ thể. Theo Qui chế chi tiêu nội bộ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2010 thực hiện cho năm 2011 tại Mục 5.8.7, Điều 4, Chương II thì trung tâm thực hiện theo Qui chế của Trung tâm ngoại ngữ - tin học kèm theo Quyết định số: 362/QĐ-CĐBTTCB ngày 04 tháng 10 năm 2010, về việc thành lập Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học. Nhưng thực tế Quyết định số: 362 không có Qui chế mà chỉ thành lập Trung tâm, từ đó Trung tâm tự thu tự chi không đúng qui định.

3. Việc thực hiện dự toán, quyết toán và quản lý, sử dụng tài sản:

a). Công tác lập dự toán và quyết toán:

Trường Cao đẳng Bến tre thực hiện lập dự toán và báo cáo tài chính theo qui định.

b). Quản lý, sử dụng tài sản:

- Từ năm 2000 các Khoa, phòng có lập sổ theo dõi tài sản là thiết bị, công cụ làm việc nhưng chưa đúng qui định. (Kế toán chưa mở sổ theo dõi, ghi biến động tình hình tăng giảm tài sản cố định).

- Chưa mở sổ tài sản là nhà đất thuộc trụ sở làm việc và phương tiện vận tải như: ô tô phục vụ chung và chuyên dùng, chỉ có lập báo cáo tăng giảm (năm 2011 tài sản theo dõi trên phần mềm quản lý tài sản của Bộ Tài chính).

- Chưa ban hành quy định về công khai quản lý, sử dụng tài sản theo Quyết định số 115/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2008 Về việc ban hành Quy định về công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

- Có ban hành quy định quản lý, sử dụng tài sản theo Quyết định số 132/QĐ-CĐBT ngày 28 tháng 4 năm 2009 của trường Cao đẳng Bến Tre.

- Diện tích đất tại cơ sở I bị lấn chiếm 2.080 m² đến nay chưa xử lý, tại cơ sở III diện tích đất đã có Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh số 954/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2009 thu hồi diện tích 4.522 m² do Ông Nguyễn Hữu Nghĩa sử dụng để giao cho Trường Cao đẳng Bến Tre quản lý sử dụng nhưng đến nay vẫn chưa giao cho trường.

- Đơn vị có kiểm kê tài sản là thiết bị, phương tiện làm việc, nhà đất thuộc trụ sở làm việc, xe ô tô phục vụ công tác chung và xe chuyên dùng theo qui định.

4. Về thu, chi và nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước

a) Tổng nguồn thu năm 2011: (Phụ lục số 1)

Nguyên nhân chênh lệch:

-Thu Đại học liên kết: Trường hạch toán chưa đủ số thu theo biên lai thu tiền và các khoản thu các năm trước.

Tất cả các khoản thu đơn vị sử dụng Biên lai thu tiền theo mẫu C38-HD theo Quyết định 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính (mẫu do Trường tự in) để làm chứng từ thu.

b) Các khoản thu chưa hạch toán vào báo cáo tài chính năm 2011:

Đơn vị có mở sổ theo dõi riêng một số nội dung như: thu Đại học liên kết, thu quỹ khuyến học, thu Bảo hiểm học sinh sinh viên ...Trường tổ chức thu, có mở sổ theo dõi thu chi riêng nhưng không hạch toán vào báo cáo tài chính. Số phát sinh có từ nhiều năm trước đó đến tháng 5/2011 kế toán có hạch toán vào báo cáo tài chính trên cơ sở số dư các nguồn quỹ này. cụ thể:

- Sổ thu chi tiền mặt:

ĐVT: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Tồn đầu năm 2010	PS. Năm 2010	PS. Năm 2011	Tồn đến 5/2011
1	Thu bảo hiểm HSSV	74.075.290			50.650.694
	Thu trong kỳ		33.519.311	36.554.849	
	Chi trong kỳ		32.960.261	60.538.495	
2	Thu quỹ khuyến học	48.411.733			19.124.733
	Thu trong kỳ		45.375.500		
	Chi trong kỳ		74.662.500		
3	Thu liên kết Đại học	202.200.000			118.668.000
	Thu trong kỳ		7.104.240.000	1.592.358.000	
	Thu học phí		4.163.990.000	728.608.000	
	Chi trong kỳ		6.949.030.000	1.831.100.000	
4	Quỹ thu hộ	12.122.886			185.555.166
	Thu trong kỳ		999.771.040	173.290.000	
	Chi trong kỳ		993.348.760	6.280.000	

- Số dư sổ tiết kiệm ngân hàng (sử dụng quỹ khuyến học gửi): 50.873.000 đồng

Số tồn các quỹ đến tháng 5/2011 đã được kế toán hạch toán vào báo cáo tài chính, bao gồm: *Thu vào quỹ tiền mặt với nội dung:*

- Doanh thu khác: 16.800.666 đồng (Tài khoản 5118)
- Phải trả khác: 238.529.927 đồng (Tài khoản 3318)
- Phải trả Đại học liên kết: 118.668.000 đồng (Tài khoản 3318)

Nhận xét: Các khoản thu chi trước đây chưa được thể hiện vào báo cáo tài chính, đơn vị mở sổ theo dõi riêng nay đã được khắc phục hạch toán vào báo cáo chung của toàn Trường. Tổng số phát sinh thu – chi chưa được cơ quan nào kiểm tra và quyết toán, chỉ ghi nhận số tiền tồn thực tế. Riêng khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng Đầu tư và phát triển vào thời điểm 24/12/2009 do Ông Phan Anh Tuấn đứng tên với số tiền: 50.873.000 đồng vẫn còn theo dõi riêng chưa được kế toán hạch toán vào báo cáo tài chính năm 2011 (do chưa đáo hạn kỳ gửi tiết kiệm) đến tháng 6/2012 Trường hạch toán vào báo cáo tài chính với số tiền: 69.516.300 đồng (kể cả phát sinh lãi)

c/ Quyết toán thuế, các khoản nộp NSNN:

DVT: đồng

ST T	DOANH THU TÍNH THUẾ	BÁO CÁO	KIỂM TRA	CHÊNH LỆCH
1	Thu liên kết Đại học	1.029.818.000	4.841.913.000	3.812.095.000
2	Thu học phí các lớp lái xe	1.133.480.000	2.863.180.000	1.729.700.000
3	Thu học phí luyện thi ĐH	479.841.500	479.841.500	
4	Thu học phí NVSP, TOEFOL	254.490.000	269.313.000	14.823.000
5	Cho thuê TS	133.400.000	275.174.500	141.774.500
	<i>Phí vệ sinh</i>		<i>113.354.500</i>	
	<i>Căn tin</i>		<i>22.090.000</i>	
	<i>Thuê HT, ATM</i>		<i>45.730.000</i>	
	<i>Thu bãi giữ xe</i>		<i>94.000.000</i>	
		3.031.029.500	8.729.422.000	5.698.392.500

Nguyên nhân chênh lệch:

Thu học phí các lớp lái xe: 1.729.700.000 đồng do 9 tháng đầu năm 2011 Trường chưa áp dụng Thông tư 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27 tháng 5 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính về cơ chế Quản lý tài chính

đào tạo lái xe cơ giới đường bộ. Thông tư có hiệu lực từ 01/7/2011, nhưng đến 01/10/2011 Trường mới áp dụng. (trong sổ chênh lệch trên sổ thu từ 1/7/2011 đến 30/9/2011 là: 401.920.000 đồng)

Riêng thuế thu nhập cá nhân: Trong năm 2011, Trường chưa quyết toán thuế thu nhập cá nhân 2011 nên chưa thể hiện số phát sinh thuế vào báo cáo tài chính chuyển sang hạch toán 2012. Cụ thể đã kê khai và nộp thuế năm 2011 vào báo cáo tài chính năm 2012 nhưng chưa đầy đủ:

- Tổng thu nhập chịu thuế (số báo cáo): 203.396.978 đồng
- Tổng thu nhập chịu thuế (số thanh tra): 5.631.192.888 đồng

Nguyên nhân chênh lệch trên là do Trường kê khai thiếu các khoản thu nhập khác của cán bộ giáo viên.

- Số thuế thu nhập cá nhân năm 2011 đã nộp tháng 4/2012 là: 3.353.493 đồng

Riêng thuế thu nhập cá nhân đối với giáo viên thỉnh giảng Trường thu hộ và nộp ngay năm 2011 số tiền: 8.844.500 đồng.

*** Quyết toán thuế năm 2011 (Phụ lục 2):**

+ Trường chưa xác định và còn nợ thuế phải nộp là: **273.192.170** đồng

Trong đó:

- Thuế giá trị gia tăng: 60.578.342 đồng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 18.702.848 đồng
- Thuế thu nhập cá nhân: 193.910.980 đồng (**Phụ lục 3**)

+ Ông Tăng văn Nhiên nợ thuế: 23.575.086 đồng

d). Số chi không được hạch toán vào báo cáo tài chính năm 2011 (Phụ lục số 4)

Trong năm 2011, Trường hạch toán phần lãi phải trả và đã trả đối với phần vốn huy động để đầu tư sa hình bãi tập lái xe vượt số tiền là: 141.183.333 đồng. (do tiền huy động của cán bộ giáo viên từng đợt khác nhau, việc tính lãi như nhau nên có chênh lệch)

5. Về thu, chi tại Trung tâm Ngoại ngữ tin học như sau:

a) Về sổ sách kế toán, chứng từ, hóa đơn:

Trung tâm Ngoại ngữ và tin học được thành lập tháng 10/2010 là một bộ phận trực thuộc Trường Cao đẳng Bến Tre.

Từ khi thành lập đến cuối năm 2012, việc ghi chép sổ sách kế toán của Trung tâm chưa được thực hiện: không có sổ thu chi, sổ theo dõi danh sách học viên các lớp học... Vì vậy, trên hệ thống cân đối kế toán của Trường Cao đẳng

chưa thể hiện các khoản phát sinh của Trung tâm Ngoại ngữ và tin học. Đến tháng 12/2012 Trường quyết toán với Trung tâm và tiến hành ghi chép thu, chi vào Báo cáo Tài chính năm 2012.

Giám đốc Trung tâm chưa thực hiện đúng qui định về mẫu biểu chứng từ kế toán (do chưa có chỉ đạo và hướng dẫn từ phía Trường) cụ thể: không sử dụng Biên lai thu tiền theo mẫu qui định cũng không dùng phiếu thu, phiếu chi mà sử dụng Biên nhận in sẵn để thu tiền. Trên Biên nhận không có chữ ký của người nộp tiền, không có số thứ tự, số tiền ghi không rõ ràng... Đến tháng 6/2012 Trung tâm có sử dụng Biên lai thu tiền do Trường cung cấp để thu tiền của học viên nhưng vẫn chưa có sổ sách theo dõi.

Riêng khoản thu về lệ phí thi, nhân viên thu tiền có nộp cho kế toán trường và được hạch toán vào báo cáo tài chính năm 2011.

b) Tổng số thu phí, lệ phí: (Từ tháng 10/2010 đến 31/12/2012)

DVT: đồng

STT	CHỈ TIÊU	BÁO CÁO	KIỂM TRA	CHÊNH LỆCH
1	Thu phí – lệ phí	774.690.000	774.690.000	
2	Thu Liên kết Tiếng Nhật	26.190.000	26.190.000	
3	Thu thuế TNCN của GV	0	5.955.750	5.955.750
Tổng số		800.880.000	806.835.750	5.955.750

Nguyên nhân chênh lệch: Trung tâm chưa báo cáo và chưa nộp số tiền do trích khoản thuế thu nhập cá nhân của giáo viên hợp đồng giảng dạy.

c) Tổng chi phí: (Từ 10/2010 đến 31/12/2012)

DVT: đồng

STT	CHỈ TIÊU	BÁO CÁO	KIỂM TRA	CHÊNH LỆCH
1	Chi hợp đồng GV	132.615.000	132.615.000	
2	Lương nhân viên HĐ	76.500.000	76.500.000	
3	Chi in tài liệu	4.000.000	4.000.000	
4	Chi VPP	6.389.700	6.389.700	
5	Chi khác	7.323.500	7.323.500	
6	Chi hoàn trả học phí cho HV	18.520.000		18.520.000
Tổng số		245.348.200	226.828.200	18.520.000

Nguyên nhân chênh lệch: Hóa đơn chứng từ không hợp lệ.

Như vậy đối với Trung tâm Ngoại ngữ và tin học: còn nợ thuế và chứng từ không hợp lệ là: 24.475.750 đồng. Gồm:

+ Trung tâm chưa báo cáo và chưa nộp số tiền do trích khoản thuế thu nhập cá nhân của giáo viên hợp đồng giảng dạy. 5.955.750 đồng

+ Chứng từ không hợp lệ về khoản trả học phí cho học viên: 18.520.000 đồng.

6. Về các khoản chi của Trường:

a/. Tổng số quyết toán chi từ các nguồn kinh phí năm 2011 là: 31.962.261.238 đồng.

1./Kinh phí từ nguồn NSNN: kinh phí sử dụng trong và ngoài khoán là 18.691.086.418 đồng.

+ *Kinh phí tự chủ (trong khoán)*

Trường Cao đẳng Bến Tre căn cứ vào dự toán được giao trong năm, căn cứ vào Quy chế chi tiêu nội bộ để thực hiện nhiệm vụ chi qua kiểm soát của kho bạc nhà nước, đảm bảo tính pháp lý về chứng từ và đúng quy định của nhà nước. Trên cơ sở nguồn kinh phí tự chủ được cấp là: 15.976.904.018 đồng, đơn vị đã thực hiện nhiệm vụ được giao trong sự nghiệp giáo dục.

+ *Kinh phí không tự chủ (ngoài khoán)*

Năm 2011 Trường Cao đẳng Bến Tre được cấp kinh phí ngoài khoán: 2.714.745.000 đồng, chi hỗ trợ và giải quyết việc làm: 58.745.000 đồng; chi mua sắm từ Chương trình mục tiêu: 2.656.000.000 đồng, thực sử dụng: 2.655.437.000 đồng, còn lại sử dụng không hết hủy: 562.600 đồng. Trường Cao đẳng Bến Tre thực hiện chi đúng chế độ quy định của nhà nước, phù hợp với dự toán được giao, chứng từ đảm bảo tính pháp lý và được lưu giữ đầy đủ.

2./ Phí, lệ phí để lại: nguồn kinh phí sự nghiệp được sử dụng trong năm 2011 là 13.271.174.820 đồng. Đơn vị đã quyết toán với Sở Tài chính xong trong năm 2012.

b/. Việc lập, sử dụng, quyết toán các quỹ (Tài khoản 431).

ĐVT: đồng

Nội dung	4311	4312	4313	4314
SD Đầu kỳ	720.000.000	480.000.000	1.800.000.000	1.000.000.000
PS tăng	375.500.000	600.000.000 *	150.000.000	375.000.000
PS giảm	103.480.000	1.031.404.500	0	60.712.800
SD cuối kỳ	992.020.000	48.595.500	1.950.000.000	1.314.287.200*

- Quỹ khen thưởng (Tài khoản 4311)

- Quỹ phúc lợi (Tài khoản 4312)

(*) Do trong năm Quỹ phúc lợi không đủ để chi, nên tạm trích các khoản lệ phí tốt nghiệp, lệ phí ôn thi tuyển sinh, lệ phí tuyển sinh để thực hiện chi trả theo kế hoạch chi trong Quy chế chi tiêu. Cuối năm trích quỹ phúc lợi là: 600.000.000 đồng, sau đó loại trừ khoản tạm trích trong năm 365.194.850 đồng. Vì vậy số thực trích còn lại cuối năm 2011 là:

$$(600.000.000 \text{ đồng} - 365.194.850 \text{ đồng}) = 234.805.150 \text{ đồng.}$$

- Quỹ ổn định thu nhập (Tài khoản 4313)

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (Tài khoản 4314)

(*) Riêng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp ngoài số giảm tại Phiếu chi số 1088 Kinh phí cho công tác quản lý thi công công trình xây dựng sa hình bãi tập lái xe là 33.738.000 đồng, còn phải tính giảm tại Phiếu chi số 1140 Thanh lý hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình xây dựng sa hình bãi tập lái xe số tiền 26.974.800 đồng. Như vậy Số dư cuối kỳ năm 2011 của Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp còn lại:

$$(*) (1.341.262.000 \text{ đồng} - 26.974.800 \text{ đồng}) = 1.314.287.200 \text{ đồng.}$$

c/. Kiểm tra hồ sơ mua sắm từ Chương trình mục tiêu

Các hồ sơ liên quan:

- Thông báo số 93/TB-SGD&ĐT ngày 25 tháng 4 năm 2011 của Sở Giáo dục và Đào tạo về kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2011 phân bổ cho Trường Cao đẳng Bến Tre theo Dự án 5 "Tăng cường năng lực đào tạo các cơ sở giáo dục" nguồn vốn sự nghiệp là: 2.656.000.000 đồng.

- Quyết định số 339/QĐ-CĐBT-TCCB ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Trường Cao đẳng Bến Tre Về việc phê duyệt dự toán mua sắm trang thiết bị từ nguồn vốn chương trình mục tiêu Giáo dục và đào tạo năm 2011 gồm 04 gói thầu tổng dự toán: 2.656.000.000 đồng.

- Văn bản phê duyệt kế hoạch đấu thầu số 3347/UBND-TCĐT của Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 08 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu các gói thầu mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học của Trường Cao đẳng Bến Tre năm 2011 (Tổng cộng 04 gói thầu. Trong đó gói 01 và gói 02 chào hàng cạnh tranh, gói 03 và gói 04 chỉ định thầu).

- Danh mục mua sắm 04 gói thầu.

ĐVT: đồng

STT	Tên gói thầu	Giá trị gói thầu
1	<i>Mua sắm trang thiết bị giảng dạy ngoại ngữ tin học</i>	1.092.872.000
2	<i>Mua sắm trang thiết bị dạy nghề và môn Giáo dục thể chất</i>	721.765.000

3	<i>Mua sắm thiết bị giảng dạy môn Giáo dục quốc phòng</i>	227.318.400
4	<i>Mua phần mềm hệ thống quản lý đào tạo</i>	399.070.000
5	<i>Mua sắm trang thiết bị giảng dạy môn Tin học</i>	214.412.000
	Tổng cộng	2.655.437.000

- Căn cứ Thông báo số 93/TB-SGD&ĐT ngày 25 tháng 4 năm 2011 của Sở Giáo dục và Đào tạo về kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2011 phân bổ cho Trường Cao đẳng Bến Tre theo Dự án 5 “Tăng cường năng lực đào tạo các cơ sở giáo dục” nguồn vốn sự nghiệp là: 2.656.000.000 đồng. Việc mua sắm 04 gói thầu trên trị giá: 2.441.025.400 đồng. Như vậy số tiền còn lại là 214.974.600 đồng.

- Sau đó Trường Cao đẳng ra Quyết định số 459/QĐ-CĐBT-TCCB ngày 29 tháng 9 năm 2011 Về việc phê duyệt dự toán mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học từ nguồn vốn tiết kiệm chào hàng cạnh tranh năm 2011, giá trị dự toán là: 214.412.000 đồng.

- Văn bản số 4474/UBND-TCĐT ngày 12 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc chủ trương mua sắm trang thiết bị giảng dạy môn tin học của Trường Cao đẳng Bến Tre-chấp thuận cho Trường Cao đẳng Bến Tre được mua sắm tiếp trang thiết bị phục vụ giảng dạy môn tin học từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia Giáo dục và Đào tạo năm 2011 (phần kinh phí tiết kiệm sau đấu thầu).

- Văn bản số 4787/UBND-TCĐT ngày 27 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc phê duyệt kế hoạch gói thầu mua sắm trang thiết bị giảng dạy môn tin học của Trường Cao đẳng Bến Tre. Hình thức lựa chọn nhà thầu: mua sắm trực tiếp.

Như vậy căn cứ vào nguồn vốn sự nghiệp được phân bổ theo Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2011 là: 2.656.000.000 đồng, thực tế thực hiện là 05 gói thầu tổng số tiền là: 2.655.437.400 đồng; hình thức thanh toán chuyển khoản. Còn lại không sử dụng hết dự toán: 562.600 đồng.

d/. Việc chấp hành các tiêu chuẩn, định mức trong chi giảng dạy, phục vụ công tác chuyên môn, mua sắm trang thiết bị.

d1/. Tiền hoa hồng bảo hiểm tai nạn và bảo hiểm y tế năm học 2010-2011.

ĐVT: đồng

STT	Bảo hiểm	Số lượng	Mức BH	Thành tiền
1	BH tai nạn			118.332.000
	HSSV	1.836	57.000	104.652.000
	CBGV	120	114.000	13.680.000
2	BH y tế			285.584.760

	HSSV	1.551	183.960	285.321.960
		5	52.560	262.800
3	Hoa hồng được trích lại			
	BHTN HSSV (25%)			26.163.000
	BHTN CBGV (20%)			2.736.000
	BHYT (2%)			5.711.695

. Thu:

- Căn cứ vào Công văn số 0170/2010-BMBT/PNVII ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Công ty Bảo Minh Bến Tre về việc các chính sách đối với bảo hiểm GV-HS năm học 2010-2011, Công ty Bảo Minh Bến Tre đã trích lại cho nhà trường với Số tiền là: 28.899.000 đồng

- Trong năm 2010, trường Cao đẳng Bến Tre đã nhận được các khoản tài trợ của Công ty Bảo Minh Bến Tre, gồm các khoản sau:

DVT: đồng

STT	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Nội dung	Số tiền
1	21/04/2010	PT 02	Ứng hộ ngày hội Văn hóa - Văn nghệ liên trường	5.000.000
2	18/11/2010	PT 13	Ứng hộ quỹ khuyến học	500.000
3	30/12/2010	PT 708	Ứng hộ Hội thao các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long tại An Giang	1.000.000
			Tổng cộng	6.500.000

. Chi:

Các khoản hoa hồng trích lại được trường Cao đẳng Bến Tre đã chi trả cho công tác thu bảo hiểm theo qui định của Công ty Bảo Minh Bến Tre, gồm các khoản chi sau:

DVT: đồng

STT	Nội dung	Tỷ lệ hoa hồng	Số tiền
1	Ban Giám hiệu Thanh toán tiền hoa hồng cho Ban giám hiệu	10% 10%	10.465.200
2	Giáo viên Thanh toán tiền hoa hồng cho cán bộ thu tiền (Phòng KH-TC)	7% 7%	7.325.640
3	Đại lý bảo hiểm trường Thanh toán tiền hoa hồng cho phòng Hành chính - Tổng hợp Thanh toán tiền hoa hồng cho ban vận động bảo hiểm	3% 1% 2%	1.046.520 2.093.040

	Cộng	20%	20.930.400
4	Chi lập tủ thuốc sơ cứu, an toàn học đường, xử lý nhanh các tai nạn xảy ra, giảm thiểu tổn thất	3%	3.139.560
5	Chi hỗ trợ học sinh nghèo	2%	2.093.040
	Tổng cộng	25%	26.163.000

- Đối với khoản chi hỗ trợ học sinh nghèo (2%), do số tiền ít nên nhà trường sẽ cộng dồn lại vào các năm học sau và trích vào quỹ khuyến học của nhà trường. Trong năm 2010, Trường Cao đẳng Bến Tre có trích tiền bảo hiểm tai nạn hỗ trợ cho học sinh nghèo, như sau:

DVT: đồng

STT	Năm học	Tổng số tiền	Tiền hoa hồng đã nhận	Mức trích	Số tiền	Ghi chú
1	2007-2008	43.165.000	14.675.380	4%	1.726.600	Hoa hồng 34%
2	2008-2009	94.575.000	23.643.775	2%	1.891.500	Hoa hồng 25%
3	2009-2010	103.353.500	25.838.375	2%	2.067.070	Hoa hồng 25%
	Tổng cộng	241.093.500	64.157.530		5.685.170	

- Đối với khoản hoa hồng bảo hiểm của cán bộ, giáo viên (20%) số tiền là 2.736.000 đồng. Do đây là hình thức tham gia bảo hiểm tự nguyện theo nhu cầu của từng cá nhân, nên phòng Kế hoạch – Tài chính đã đề nghị xin ban lãnh đạo trường cho phòng Kế hoạch - Tài chính để lập quỹ phòng thực hiện việc thăm hỏi, ốm đau của CBVC phòng.

+ Bảo hiểm y tế:

. Thu:

Căn cứ hợp đồng đại lý thu bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên số 01/2011/HĐ-BHXX ngày 04 tháng 01 năm 2011 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Bến Tre.

Căn cứ Giấy thanh toán cho đại lý thu BHYT HSSV số 01 do Bảo hiểm xã hội tỉnh Bến Tre duyệt ngày 04 tháng 04 năm 2011.

Số hoa hồng BHYT trường Cao đẳng Bến Tre được hưởng là: 5.711.695đ

. Chi:

Trường Cao đẳng Bến Tre đã chi khoản hoa hồng BHYT HSSV năm học 2010-2011 cho công tác thu bảo hiểm như sau:

DVT: đồng

STT	Nội dung	Tỷ lệ hoa hồng	Số tiền
1	Thanh toán tiền hoa hồng cho Ban giám	0,5%	1.427.924

	hiệu		
2	Thanh toán tiền hoa hồng cho ban vận động bảo hiểm	0,5%	1.427.924
3	Thanh toán tiền hoa hồng cho cán bộ thu tiền	1%	2.855.848
	Tổng cộng	2%	5.711.695

Vậy trong năm 2011, Trường Cao đẳng Bến Tre đã chi tiền hoa hồng BHYT, BHTN năm học 2010-2011 với tổng số tiền là: 29.378.095 đồng (20.930.400 + 2.736.000 + 5.711.695)

** Nhận xét:*

Việc thu nộp, chi hoa hồng (theo các tỷ lệ đã nêu trên) bảo hiểm tai nạn HSSV-CBGV và bảo hiểm y tế của HSSV được Phòng Kế hoạch-Tài chính thực hiện đúng theo hợp đồng đã ký với các đơn vị bảo hiểm. Tuy nhiên đối với khoản chi hoa hồng (theo các tỷ lệ đã nêu trên) Phòng Kế hoạch-Tài chính chưa công khai (cụ thể không đưa vào Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm) cho tập thể CBGV nhà trường biết.

d2/. Bảo hiểm xe năm 2011.

Năm 2011 trường Cao đẳng Bến Tre thực hiện mua bảo hiểm cho 19 xe (16 xe chuyên dùng, 03 xe phục vụ chung) tại Công ty Bảo Việt Bến Tre với tổng giá trị: 71.297.160 đồng. Sau đó Công ty Bảo Việt Bến Tre tiến hành trích hoa hồng bảo hiểm cho trường Cao đẳng Bến Tre số tiền (18 xe): 6.547.500 đồng.

+ Khoản trích hoa hồng bảo hiểm xe 71B-0464 số tiền 24.500 đồng Công ty Bảo Việt Bến Tre chưa trích về trường.

Tất cả các khoản hoa hồng bảo hiểm xe do Công ty Bảo Việt Bến Tre trích lại được nhà trường thu vào nguồn thu sự nghiệp và hạch toán giảm chi các khoản mua bảo hiểm xe.

d3/. Thanh toán tiền đi học của Ông Lê Thành Công.

Năm 2010 Ông Lê Thành Công được cử đi học lớp bồi dưỡng kiến thức về quản lý Nhà nước chương trình Chuyên viên cao cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh với thời gian học là 02 tháng (từ ngày 18/5/2010 đến ngày 02/7/2010) theo Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trường Cao đẳng Bến Tre đã thanh toán kinh phí đi học theo Phiếu chi số 862 ngày 14 tháng 7 năm 2010 gồm các khoản như sau:

- Tiền học phí (học phí, tài liệu và y tế phí):	3.030.000 đồng
- Tiền ăn (44 ngày x 25.000 đồng):	1.100.000 đồng
- Tiền nghỉ trọ (44 ngày x 120.000 đồng):	5.275.000 đồng
Tổng cộng:	9.405.000 đồng

Như vậy thanh toán tiền đi học được chi trả theo đúng Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2010, của Trường.

d4/. Thanh toán tiền đi học của Ông Phan Đình Tuấn.

Năm 2011 Ông Phan Đình Tuấn được cử đi học cao học thuộc chương trình liên kết đào tạo giữa trường Đại học Hà Nội và trường Đại học Victoria (Australia) tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Ông Tuấn có trong danh sách Kế hoạch đào tạo-bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2010-2015 do trường Cao đẳng Bến Tre lập ngày 26 tháng 02 năm 2010.

Trường Cao đẳng Bến Tre đã thanh toán kinh phí đi học cao học của ông Phan Đình Tuấn (tính từ thời điểm 19/8/2011 đến 29/6/2012 sau khi có Quyết định cử đi học của Ủy ban nhân dân tỉnh) số tiền: 75.516.500 đồng.

d5/. Thanh toán tiền thừa giờ cho Tổ dạy lái xe.

Qua phản ánh có 03 người là Bùi Văn Chiến, Nguyễn Văn Ứng, Nguyễn Văn Bảo vừa là giáo viên dạy lái xe vừa là học sinh chính quy của lớp trung cấp ô tô lãnh tiền thừa giờ rất nhiều. Đoàn thanh tra đã kiểm tra lịch học cũng như đối chiếu thời gian dạy lái xe của 03 người này ghi nhận như sau:

Trong năm học 2011 – 2012 04 giáo viên là Bùi Văn Chiến, Nguyễn Văn Ứng, Nguyễn Văn Bảo, Phạm Minh Hiếu thực hiện công tác giảng dạy và đi học Trung cấp chuyên nghiệp tại trường Cao đẳng Bến Tre vì lý do nhu cầu học tập nâng cao trình độ của cá nhân và yêu cầu chuẩn hoá trình độ cán bộ nhằm phục vụ tốt công tác giảng dạy. Cả 04 giáo viên xin đi học với kinh phí tự túc. Cụ thể căn cứ vào: thời khoá biểu học tập và Thời khoá biểu giảng dạy Đoàn thanh tra nhận xét như sau:

Cán bộ giảng dạy được cử đi học giảm 50% định mức giờ chuẩn (theo Hướng dẫn số 102/HD-CĐBT-TCCB ngày 18 tháng 5 năm 2010 của trường Cao đẳng Bến Tre). Cả 04 giáo viên này về cơ bản đáp ứng đủ số giờ phải giảng dạy, việc giảm 50% số giờ chuẩn tạo điều kiện cho các giáo viên này tăng thêm thu nhập là hợp lý.

d6/. Chi tiền đi học cao học:

+ Ông Nguyễn Thanh Sơn, sinh ngày 27/6/1963, chức vụ Q.trưởng bộ môn Giáo dục quốc phòng; được Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số: 2853/QĐ-UBND ngày 23/12/2010.

+ Ông Huỳnh Vạn Phước, sinh ngày 13/01/1962, chức vụ Giảng viên; được Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số: 2854/QĐ-UBND ngày 23/12/2010.

+ Ông Lê Quang Nha, sinh ngày 19/7/1965, chức vụ Phó Trưởng phòng thanh tra; được Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số: 2852/QĐ-UBND ngày 23/12/2010.

+ Ông Huỳnh Văn Chấn, sinh ngày 30/12/1966, chức vụ Trưởng bộ môn Tâm lý giáo dục (Khoa Sư phạm); được Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số: 232/QĐ-UBND ngày 28/01/2011.

Các Quyết định cử 4 cá nhân trên đi học quá 40 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo không đúng với Mục c, Điều 4, Chương II về điều kiện cử đi đào tạo tại Quyết định số: 22/QĐ-UBND ngày 17/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện; cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Các cá nhân trên được chi tiền đi học cụ thể như sau:

DVT: đồng

STT	HỌ TÊN	NĂM SINH	SỐ TIỀN(đồng)
1	Huỳnh Văn Chấn	30/12/1966	43.097.000
2	Huỳnh Văn Phước	13/01/1962	55.075.950
3	Nguyễn Thanh Sơn	27/6/1963	54.848.950
3	Lê Quang Nha	19/7/1965	54.885.950
	TỔNG CỘNG		207.907.850

d7/. Đầu tư sa hình bãi tập lái xe

Trường Cao Đẳng Bến Tre ký Hợp đồng với ông Tăng Văn Nhiên để thực hiện thi công công trình sa hình bãi tập lái xe thông qua 6 hợp đồng với từng hạng mục công trình. Bao gồm 3 hạng mục công trình, mỗi hạng mục gồm 1 hợp đồng thể hiện nhân công và 1 hợp đồng thể hiện phần vật tư.

- Quá trình thực hiện nghiệm thu, thanh toán:

Tổng giá trị nghiệm thu và thanh lý hợp đồng (*theo số báo cáo của đơn vị*)

DVT: đồng

Số Hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Giá trị tăng	Giá trị giảm	Giá trị thanh lý Hợp đồng	Đã thanh toán
107	188.070.000			188.070.000	188.070.000
108	216.490.000			216.490.000	216.490.000
109	71.364.000	18.985.000	28.758.000	70.149.000	70.149.000
110	135.626.000			127.068.000	127.068.000
111	304.053.000	37.437.000		924.450.000	924.450.000
112	620.397.000				
PS tăng					37.437.000
QLDA					33.738.000
TV TK					26.974.800
Tổng	1.536.000.000	56.422.000	28.758.000	1.526.227.000	1.624.376.800

Tổng giá trị nghiệm thu và thanh lý hợp đồng (theo số kiểm tra của Đoàn thanh tra)

DVT: đồng

Số Hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Giá trị tăng	Giá trị giảm	Giá trị thanh lý Hợp đồng	Đã thanh toán
107	188.070.000			188.070.000	188.070.000
108	216.490.000			216.490.000	216.490.000
109	71.364.000	18.985.000	32.027.266	70.149.000	70.149.000
110	135.626.000			127.068.000	127.068.000
111	304.053.000	37.437.000		924.450.000	924.450.000
112	620.397.000				
PS tăng					37.437.000
QLDA					33.738.000
TV TK					26.974.800
Tổng	1.536.000.000	56.422.000	32.027.266	1.526.227.000	1.624.376.800

• Tổng thanh toán cho ông Tăng Văn Nhiên: 1.563.664.000 đồng

Tạm ứng theo hợp đồng: 750.000.000 đồng

Thanh toán đợt 1: 300.888.500 đồng

Thanh toán đợt 2: 475.338.500 đồng

Thanh toán đợt 3: 37.437.000 đồng (khối lượng tăng)

Trong đó: hóa đơn hợp lệ : 943.267.000 đồng

Số còn lại: 620.397.000 đồng hóa đơn chưa hợp lệ.

Nguyên nhân: Ông Nhiên đã cung cấp hóa đơn nhưng nội dung hóa đơn là ông Nhiên mua vật tư không phù hợp với nội dung hợp đồng đã ký kết.

*** Nhận xét:**

Phần khối lượng tăng do Báo cáo Dự toán thẩm tra thiếu hạng mục công tác bê tông đá 1x2 cấp độ bền B20 Mpa (mac 250). Khối lượng bổ sung 13,482m³. Giá trị: 18.985.000 đồng (đã có ý kiến tư vấn giám sát, đơn vị thi công, ban quản lý công trình nhưng chưa có ý kiến của Chủ đầu tư) nhưng không thay đổi thiết kế.

Khối lượng phát sinh tăng do thay đổi thiết kế là 37.437.000 đồng. Hạng mục này phát sinh sau khi công trình hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng, Trường thấy khó khăn cho học viên trong khi tập lái nên tự ý thay đổi thiết kế sa hình (không phù hợp với tiêu chuẩn 22 của Bộ Giao Thông), có sự đồng ý của Tư vấn giám sát thông qua hồ sơ thanh quyết toán hạng mục: “Phần khối lượng phát sinh do nhu cầu sử dụng”

Giá trị giảm có chênh lệch so với Đoàn kiểm tra là do cách tính của đơn vị thi công chưa phù hợp.

Tất cả các Hợp đồng đều có ghi nhận: Không tính khối lượng phát sinh tăng (khi xây dựng theo thiết kế được duyệt), nếu có khối lượng giảm thì được giảm trừ giá trị khi thanh toán.

Giá trị được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là giá trị dựa trên số tiền thanh toán cho đơn vị thi công (giá trị xây lắp) chưa tính chi phí khác..

- Tổng giá trị công trình lớn hơn nguồn vốn huy động tại đơn vị nhưng kế toán đã thanh toán và hạch toán đầy đủ từ các nguồn khác.

7. Việc mở sổ kế toán, phản ánh số liệu phát sinh, báo cáo, quyết toán được quy định tại Luật Kế toán và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

a). Về sổ sách kế toán:

Đơn vị mở sổ kế toán theo qui định tại Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tài chính. Ghi chép kịp thời các nghiệp vụ phát sinh, tuy nhiên mở sổ chưa đầy đủ theo qui định, chậm thu hồi tiền tạm ứng của cán bộ công chức (có những khoản tạm ứng từ năm 2007 đến nay chưa thu hồi).

b). Về chứng từ kế toán:

Tất cả các khoản thu đơn vị sử dụng Biên lai thu tiền theo mẫu C38-HD theo Quyết định 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính (mẫu do Trường tự in, tự chịu trách nhiệm) để làm chứng từ thu. Khi phát hành không đóng dấu của trường, không ghi rõ họ tên của người thu, người nộp.

8. Các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học – quan hệ quốc tế:

Đề án “Hội thi thiết kế bài giảng ngoại khóa giáo dục liên chính cho thanh thiếu niên Bến Tre”- VACI 2011-P.141:

Là kết quả tham gia Hội thi sáng kiến Phòng chống tham nhũng Việt Nam năm 2011 trị giá giải thưởng 13.950 USD do Ngân hàng thế giới và Thanh tra Chính phủ tổ chức; Nhóm Sáng tạo Trẻ chủ trì triển khai thực hiện từ tháng 2 đến tháng 12 năm 2012. Dự án đang triển khai giai đoạn cuối.

- Cơ quan tài trợ: Ngân hàng thế giới.

- Cơ quan nhận tài trợ: Nhóm Sáng tạo trẻ thuộc phòng Nghiên cứu khoa học – Quan hệ quốc tế thuộc trường Cao đẳng Bến Tre, thông qua tài khoản của Hội chữ thập đỏ Trường Cao đẳng Bến Tre.

- Tổng kinh phí: 327.760.200 đồng, trong đó:

+ Kinh phí từ giải thưởng VACI là: 288.760.200 đồng.

+ Kinh phí đối ứng từ ngân sách địa phương: 39.000 000 đồng; tạm ứng đợt I là 14.000.000 đồng, đã quyết toán 7.196.000 đồng; Tạm ứng đợt II: 25.000.000 đồng.

Dự án này Trường Cao đẳng Bến Tre quản lý và quyết toán theo quy định của nhà tài trợ, trường chịu trách nhiệm quyết toán phần vốn đối ứng của trường.

III./ KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

A. Kết luận:

1. Trường Cao đẳng Bến Tre chưa mở sổ tài sản là nhà đất thuộc trụ sở làm việc và phương tiện vận tải như: ô tô phục vụ chung và chuyên dùng, chỉ có lập báo cáo tăng giảm (năm 2011 tài sản theo dõi trên phần mềm quản lý tài sản của Bộ Tài chính).

2. Trường Cao đẳng Bến Tre chưa ban hành quy định về công khai quản lý, sử dụng tài sản theo Quyết định số 115/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2008 Về việc ban hành Quy định về công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

3. Diện tích đất tại cơ sở I bị lấn chiếm 2.080 m² đến nay chưa xử lý, tại cơ sở III diện tích đất đã có Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh số 954/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2009 thu hồi diện tích 4.522 m² do Ông Nguyễn Hữu Nghĩa sử dụng để giao cho Trường Cao đẳng Bến Tre quản lý sử dụng nhưng đến nay vẫn chưa giao cho trường.

4. Trường tổ chức thu, tự mở sổ theo dõi thu chi riêng không đưa vào báo cáo tài chính như: thu các lớp Đại học liên kết, thu quỹ khuyến học, thu Bảo hiểm học sinh sinh viên ...

5. Trường chưa xác định và còn nợ thuế phải nộp là: **273.192.170 đ (Phụ lục 2)**

Trong đó:

- Thuế giá trị gia tăng: 60.578.342 đồng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 18.702.848 đồng
- Thuế thu nhập cá nhân: 193.910.980 đồng (**Phụ lục 3**)

6. Ông Tăng văn Nhiên nợ thuế: 23.575.086 đồng do truy thu phần thuế hoá đơn hợp đồng thi công sa hình bãi tập lái xe; Khối lượng phát sinh thi công công trình sa hình bãi tập lái xe: 37.437.000 đồng không đúng hợp đồng đã ký kết.

7. Trường đã trả lãi thừa số tiền là: 141.183.333 đồng đối với phần vốn huy động để đầu tư sa hình bãi tập lái xe;

8. Việc thu nộp, chi hoa hồng bảo hiểm tai nạn học sinh sinh viên, công chức viên chức và bảo hiểm y tế của học sinh sinh viên được Phòng Kế hoạch-Tài

chính thực hiện theo hợp đồng đã ký với các đơn vị bảo hiểm. Tuy nhiên đối với khoản chi hoa hồng Trường chưa đưa vào báo cáo công khai theo qui định;

9. Đối với Trung tâm Ngoại ngữ và tin học:

Trung tâm còn nợ thuế và chứng từ không hợp lệ là: 24.475.750 đồng.

Gồm:

+ Trung tâm chưa báo cáo và chưa nộp số tiền do trích khoản thuế thu nhập cá nhân của giáo viên hợp đồng giảng dạy. 5.955.750 đồng

+ Hóa đơn chứng từ không hợp lệ 18.520.000 đồng.

B. Kiến nghị:

a./ Đối với Trường Cao đẳng Bến Tre:

1. Trường Cao đẳng Bến Tre nộp vào tài khoản tạm giữ, chờ xử lý của Thanh tra Sở Tài chính Bến tre số 3941.0.1097348 mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bến Tre số tiền 499.863.339 đồng do chi sai qui định được nêu tại mục: 5, 6, 7, 9, tại phần A mục III Kết luận này, cụ thể:

DVT: đồng

STT	Nội dung	Số tiền
1	Thu tiền còn nợ các khoản thuế	273.192.170
2	Khoản thuế của ông Nhiên và khối lượng phát sinh	61.012.086
3	Khoản tiền đối với TT ngoại ngữ và tin học:do chứng từ không hợp lệ và thuế thu nhập cá nhân	24.475.750
4	Khoản tiền lãi đầu tư sa hình bãi tập lái xe (do chi thừa)	141.183.333
	Tổng cộng	499.863.339

2. Tiến hành mở sổ sách kế toán đúng theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC, ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp;

3. Trường Cao đẳng Bến Tre liên hệ với các cấp có thẩm quyền để xử lý diện tích đất bị lấn chiếm và diện tích đất do Ông Nguyễn Hữu Nghĩa sử dụng để giao cho Trường (đã có Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh nhưng vẫn chưa giao cho trường).

4. Thực hiện việc công khai tài chính đúng theo nội dung, hình thức, các mẫu biểu quy định tại Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22/5/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

5. Ban hành quy định về công khai quản lý, sử dụng tài sản theo Quyết định số 115/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2008 Về việc ban hành Quy định về công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

6. Trường Cao đẳng Bến Tre phải khắc phục ngay các mặt hạn chế đã nhận xét nêu ở phần trên, thực hiện đúng theo Điều lệ Trường Cao đẳng và chế độ kế toán tài chính qui định;

7. Trường Cao đẳng Bến Tre có trách nhiệm niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trường và đưa lên trang thông tin điện tử của trường, thời gian ít nhất là 15 ngày liên tục.

b./ Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh:

Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến chỉ đạo xem xét, xử lý nhằm tránh việc thất thoát trong nội bộ của trường, đối với các Quyết định cử 4 cá nhân trên đi học cao học quá 40 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo không đúng với Mục c, Điều 4, Chương II về điều kiện cử đi đào tạo tại Quyết định số: 22/QĐ-UBND ngày 17/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện; cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí tại Trường Cao đẳng Bến Tre./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Trường Cao đẳng (để thực hiện);
- BGĐ Sở TC;
- Lưu: TTr.